TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1749/2025/DS-ST
Ngày: 26/9/2025
V/v: "tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Minh Hoàng;

2. Bà Trần Thị Kim Anh.

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Lê Thị Kim Cương là Thư ký Tòa án nhân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Từ Ngọc Hoà – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2025/TLST – DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 569/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH MTV M.A (V.N); Địa chỉ: số X đường P, phường S.G, Thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: ông N.P.T.N, sinh năm 20xx (có đơn xin giải quyết vắng mặt); Địa chỉ: Phòng số X, Tầng Y, Tòa nhà số Z đường T.X.S, phường T.H, Thành phố H.

2. Bị đơn: ông T.V.H.H sinh năm 19xx; Địa chỉ: số X đường T.L.10, phường A.L (phường B.T.Đ.B, quận B.T cũ), Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của đại diện nguyên đơn tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

** Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV M.A (V.N) có người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 18/8/2022, Công ty Tài chính TNHH MTV M.A (V.N) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký kết Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3515390 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông T.V.H.H với khoản vay trị giá 50.102.000 đồng, lãi suất 35%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân vào ngày 18/8/2022 theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho ông T.V.H.H, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của ông H. Theo hợp đồng tín dụng, ông T.V.H.H có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả góp hàng tháng với số tiền 2.267.537 đồng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/8/2025 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay ông T.V.H.H chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 07 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 13.674.520 đồng. Trong đó:

- Tổng gốc và lãi đã trả: 13.605.222 đồng

- Tổng gốc đã trả: 5.298.455 đồng

- Tổng lãi đã trả: 8.308,4 đồng (trong đó có 1.633 đồng lãi chậm trả đợc tính vào lần thanh toán ngày 16/11/2022)

- Tổng phí đã trả: 67.665 đồng.

Từ ngày 10/3/2023 đến nay ông T.V.H.H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu ông T.V.H.H thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông H biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng cho phía Công ty.

Tại Tòa, Công ty Tài chính TNHH MTV M.A (V.N) yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông T.V.H.H phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV M.A (V.N) tổng số tiền (gồm cả gốc và lãi) tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 98.685.895 đồng, trong đó: nợ gốc chưa thanh toán là 44.803.545 đồng; tiền lãi trong hạn là 22.828.196 đồng; tiền lãi quá hạn là 27.236.759 đồng; tiền lãi chậm trả là 3.817.395 đồng.

Ngoài ra, ông T.V.H.H còn phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng.

Khi ký Hợp đồng với Công ty thì ông H cung cấp địa chỉ tại số X đường T.L.10, phường A.L (phường B.T.Đ.B, quận B.T cũ), Thành phố H. Tính đến nay, ông H không có bất kỳ thông báo nào cho Công ty biết địa chỉ nào khác của ông H. Do đó, Công ty không cung cấp được địa chỉ nào khác của ông H cho Tòa án.

** Bị đơn là ông T.V.H.H:* bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn có đơn giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: do ông T.V.H.H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ vào Giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, Công ty yêu cầu ông H thanh toán số dư nợ còn thiếu là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa Công ty và ông T.V.H.H là tranh chấp dân sự phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3515390 ngày 18/8/2022.

Theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3515390 ngày 18/8/2022 thì ông T.V.H.H cung cấp địa chỉ tại số X đường T.L.10, phường A.L (phường B.T.Đ.B, quận B.T cũ), Thành phố H. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Công an thì ông T.V.H.H có hộ khẩu thường trú tại số X đường T.L10, phường A.L (phường B.T.Đ.B, quận B.T cũ), Thành phố H nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: Bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ ghi trong Hợp đồng nhưng không thông báo nơi cư trú mới cho người khởi kiện xem như bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ những quy định trên, Hội đồng xét xử xác định địa chỉ bị đơn tại số X đường T.L.10, phường A.L (phường B.T.Đ.B, quận B.T cũ), Thành phố H để Tòa án tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Do đó, Toà án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông T.V.H.H đã được Toà án tống đạt hợp lệ, nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là ông T.V.H.H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *"Đương sự*

phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"; Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 18/8/2022, Công ty và ông T.V.H.H ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3515390 về việc cấp tín dụng cho ông T.V.H.H với khoản vay trị giá 50.102.000 đồng, lãi suất 35%/năm. Ông T.V.H.H có nghĩa vụ thanh toán trả góp số tiền 2.267.537 đồng/tháng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/8/2025 cho Công ty.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng, pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng giữa các bên đương sự là Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Văn bản số 20/VBHN-NHNN ngày 20/5/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Xét về hình thức, Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng nói trên được lập thành văn bản, phù hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Về mặt nội dung, chủ thể giao kết hợp đồng - Công ty Tài chính TNHH MTV M.A (V.N) là một tổ chức tín dụng, được phép cấp tín dụng; ông T.V.H.H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Công ty và ông T.V.H.H tự nguyện giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Thỏa thuận của hai bên đương sự trong hợp đồng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng:*"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*, Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng: *"Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng"*.

Ngày 18/8/2022, Công ty đã giải ngân vào tài khoản cá nhân của ông T.V.H.H số tiền 50.102.000 đồng. Kể từ ngày được giải ngân đến nay ông T.V.H.H chỉ mới thanh toán trả góp được 07 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 13.674.520 đồng. Từ ngày 10/3/2023 đến nay ông T.V.H.H không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng đã ký. Như vậy, ông H là bên vi phạm hợp đồng, không trả gốc lãi đúng hạn quy định theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3515390 ngày 18/8/2022. Công ty yêu cầu ông H phải thanh toán nợ gốc và lãi gồm: nợ gốc chưa thanh toán là 44.803.545 đồng; lãi trong hạn là 22.828.196 đồng; lãi quá hạn là 27.236.759 đồng; lãi chậm trả là 3.817.395 đồng và tiền lãi phát sinh.

Xét số tiền lãi do Công ty yêu cầu được tính dựa trên mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3363697 ngày 13/7/2022, Điều 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan về ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, ông T.V.H.H phải trả cho Công ty tổng số tiền là 98.685.895 đồng (trong đó: nợ gốc là 44.803.545 đồng; lãi trong hạn là 22.828.196 đồng; lãi quá hạn là 27.236.759 đồng; lãi chậm trả là 3.817.395 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi ông H thanh toán hết nợ theo quy định tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3363697 ngày 13/7/2022.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, việc đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là đúng với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về án phí:*

- Ông T.V.H.H chịu 4.934.295 đồng án phí theo quy định của pháp luật.

- Hoàn lại cho Công ty Tài chính TNHH MTV M.A (V.N) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 40, Khoản 2 Điều 91, Khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Các Điều 463, 465,466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH MTV M.A (V.N) đối với ông T.V.H.H:

Buộc ông T.V.H.H phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV M.A (V.N) tổng số tiền là 98.685.895 đồng (trong đó: nợ gốc chưa thanh toán là 44.803.545 đồng; tiền lãi trong hạn là 22.828.196 đồng; tiền lãi quá hạn là 27.236.759 đồng; tiền lãi chậm trả là 3.817.395 đồng).

Ông T.V.H.H phải tiếp tục trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV M.A (V.N) tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi ông T.V.H.H thanh toán hết nợ theo quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3515390 ngày 18/8/2022.

Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Ông T.V.H.H nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.934.295 đồng (bốn triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

Hoàn lại cho Công ty Tài chính TNHH MTV M.A (V.N) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.647.755 đồng (một triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0077320 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các bên Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV9 - TP.HCM;
- THA.DS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh